

Trang Phật Pháp

TỬ TẮT ĐÀN

TỬ TẮT ĐÀN

Thầy Thích Thái Hoà

I- Đứt vấn đề: Một thực tại hai cách nhìn (nhị đế)

Tử Tắt Đàn là một vấn đề thuộc lãnh vực TRI THỨC LUẬN, nó cung cấp cho ta một cái nhìn quán thông mọi hiện tượng sự vật, một sự hiểu biết sâu sắc về chân lý sự sống, về ĐẠO PHẬT: một cách nhìn độc đáo và đặc thù của đạo Phật - Một cái nhìn sát, đúng với hai mặt chân lý.

Thiền Sư Nhất Hạnh, trong “Trái tim của Bụt” đã gọi Tử Tắt Đàn là “Bốn tiêu chuẩn về sự thật”. Những vấn đề mà đề tài này đặt ra, đòi hỏi những am hiểu căn bản về lập thuyết triết học đều lấy nó làm trung tâm, đều kết tụ xung quanh nó, vì nó là khởi điểm của nhận thức, về cách nhìn đối với thực tại.

Trước khi nói đến Tử Tắt đàn (4 tiêu chuẩn về sự thật). Thiền Sư Nhất Hạnh đã đề cập đến hai cách nhìn cốt lõi. Đoạn văn viết như sau: “Trong Đạo Bụt có quan niệm về nhị đế: Nhị đế có nghĩa là hai loại sự thật: Sự thật Tương đối và sự thật Tuyệt đối. Sự thật tương đối gọi là Tục đế (samvrti satya) tức là sự thật trong cuộc đời thế tục, có khi gọi là Thế đế hay tục đế. Bụt luôn luôn nói sự thật, không bao giờ không nói sự thật, nhưng có khi Ngài nói về sự thật tương đối, có khi Ngài nói về sự thật tuyệt đối. Nếu không biết điều đó, nếu không có tiêu chuẩn để phán xét, chúng ta có thể thấy nhiều điều Bụt nói trái ngược nhau.

Xin nói lại, Chân lý Tương đối, chân lý ở ngoài đời gọi là TỤC ĐẾ, THẾ TỤC ĐẾ hay THẾ ĐẾ. Còn Chân Lý Tuyệt đối gọi là CHÂN ĐẾ, THẮNG NGHĨA ĐẾ hay ĐẾ NHẤT NGHĨA ĐẾ (paramartha satya). Thắng nghĩa tức là cao hơn hết. Vậy khi nghe lời Bụt, chúng ta phải có khả năng nhận diện, đó là một lời tuyên bố về chân lý tương đối hay là một lời tuyên bố về chân lý tuyệt đối, thì chúng ta sẽ không bị lộn xộn”.



Đây là một điều mà Luận lý học Tây phương không hề biết đến. Trong Luận Lý học Tây phương chân lý chỉ có một, không bao giờ có hai thứ chân lý, nhất là trong hệ thống Tam đoạn Luận, một hệ thống luận lý học để xác minh “chỉ có một chân lý” vấn đề Nhị đế không bao giờ được xác lập.

Theo Thiền Sư Nhất Hạnh: “Nói về Nhị đế, trong kinh Đại Niết Bàn, chúng ta thấy bài này, bài kệ Bụt nói trước khi nhập diệt:

*Chư hành vô thường
Thị sinh diệt pháp
Sinh diệt diệt dĩ
Tịch diệt vi lạc”*

Chư hành vô thường, là tất cả mọi hiện tượng mà chúng ta thấy và tiếp nhận đều vô thường cả. Dịch sang tiếng Anh: “All formations are impermanent”. Chư Hành (Samskara) này có nghĩa là Formation. Ví dụ cái bình trà này là một Hành - Cái bình trà này do đất, nước, gió, lửa, con người, thời gian, không gian cấu hợp lại mà thành, cho nên nó là một hành, một formation - Cái bông hoa kia cũng là một hành, tại vì trong hoa có đám mây, có mặt trời, có đất, có nước, những điều kiện phối hợp lại làm ra bông hoa. “Chư Hành vô thường”, tất cả mọi hiện tượng của thế gian đều vô thường. Bình trà và bông hoa là hai hành thuộc về sắc, về vật chất. Nhưng cơn giận của mình hoặc nỗi buồn của mình cũng là những “hành”, chúng cũng vô thường. Giận và buồn gọi là tâm hành (citta samskara). Có tâm hành và có sắc hành.

“Chư hành vô thường, thị sinh diệt pháp: tất cả mọi hiện tượng đều vô thường, đều là những pháp có sinh và có diệt”. Sinh diệt, diệt dĩ: khi cái sinh cái diệt đã bị diệt đi rồi, thì lúc bấy giờ sự tịch diệt, niềm yên lặng đó là niềm vui chân thật - Tịch diệt vi lạc...”

Hai câu đầu nói về thế giới hiện tượng, nói về tục đế, về chân lý tương đối, diễn tả thế giới trong đó có sinh và có diệt, nhưng hai câu sau đưa ta đi qua bình diện của Chân đế, tức thực tại vượt thoát cái sinh, cái diệt. Khi mà cái sinh cái diệt không còn nữa, khi mà cái diệt đã diệt rồi, thì sự vắng lặng đó là niềm vui chân thật. Trong thế giới này có sinh và có diệt, nhưng trong thế giới kia, mà ta có thể gọi là Pháp giới thì không có sinh và không có diệt.

Nếu ta nghĩ hai lời tuyên bố này trái chống nhau thì không đúng.

Thế giới hai câu đầu là thế giới hiện tượng (phenomenal world) thế giới của “Tích môn”, đứng về phương diện “tướng” ta thấy có sinh, có diệt, đứng về phương diện “Tích” ta thấy không có sinh cũng không có diệt. Đó là thế giới của “Bản môn”.

Khi quan sát những đợt sóng, sóng có những cái “tướng” như “tướng cao”, “tướng thấp”, “tướng bắt đầu”, “tướng chấm dứt”, “tướng đẹp”, “tướng xấu” – “tướng có” – “tướng không” ...

Mỗi đợt sóng mang theo tướng có tướng không ...

Trước khi đợt sóng vuron lên thì hình như là nó không có, khi nó bắt đầu rồi, thì hình như là nó có, khi nó chấm dứt thì hình như nó không có nữa: tướng có, tướng không, tướng sinh, tướng diệt, tướng thấp, tướng cao, tướng xấu, tướng đẹp là những tướng thuộc về thế giới hiện tượng.

Nhưng có một thế giới khác nằm ngay trong thế giới này mà không bị những tướng đó ràng buộc, thế giới đó gọi là thế giới “PHÁP TÁNH”, thế giới của “Bản thể” (noumenal world) mà ở đây ta có thể ví dụ với nước: sóng thì có “không”, có “có”, có cao, có thấp, có đẹp, có xấu, nhưng nước thì không như vậy. Những cái tướng kia, những danh từ, những khái niệm mà mình dùng để mô tả sóng kia, ta không thể nói là đẹp hay xấu, cao hay thấp, có hay không theo nghĩa những tiếng đã dùng để nói về sóng, và thế giới thứ hai này là thế giới của “TÁNH”. Như nước đối với sóng, thế giới này không tách rời ra khỏi thế giới của “TUỔNG”, không thể dùng các khái niệm về thế giới của Tướng để nói về thế giới của Tánh, cho nên ta nói nước không đẹp, không xấu, không có, không không, không thấp, không cao.

Ta hãy cùng đọc lại bài kệ: “Chư hành vô thường” (tất cả mọi hiện tượng đều vô thường) – “Thị sinh diệt pháp” (chúng đều là những hiện tượng có sinh, có diệt), đó là sự thật mà thế giới công nhận và Bụt cũng nói như vậy. Đó là Thế đế, Thế tục đế, nhưng nếu ta tiếp tục quan sát cho sâu sắc thêm, thì chúng ta đi sâu vào đằng sau thế giới sinh diệt, và chúng ta có thể tiếp xúc được với thế giới bất sinh, bất diệt thế giới của “THỂ TÁNH”. Và khi tiếp xúc với thế giới này rồi, thì ta không còn thấy sinh diệt nữa. Cái sinh cũng diệt mà cái diệt cũng diệt “sinh diệt dĩ - tịch diệt vi lạc” tức là khi những ý niệm về sinh diệt không còn nữa, thì sự vắng lặng của những ý niệm ấy chính là niềm an lạc thật sự.

Khi một đợt sóng lên cao, xuống thấp, dạt vào, trôi ra, nó có thể đau khổ, đó là vì nó chỉ tiếp xúc được với những tướng cao, tướng thấp, tướng đẹp, tướng xấu, tướng có, tướng không của nó mà thôi. Nhưng nếu, đợt sóng tiếp xúc được với bản chất của nó, tức

là nước, thì sự tình khác hẳn. Nó không còn sợ hãi nữa, nó không còn mặc cảm nữa, nó biết nó là nước, và khi nó tự đồng nhất mình với nước rồi thì những tướng có, tướng không, tướng xấu, tướng đẹp, tướng cao, tướng thấp kia không làm nó đau khổ nữa, không làm nó sợ hãi nữa. Do đó, nó đạt tới được niềm vui chân thật.

Chìa khoá của giải thoát là khi ta từ thế giới hiện tượng mà đi tới thế giới của pháp tánh. Đi tới được thì ta đạt được an lạc chân thật. Vật thì nói có sinh có diệt là thế, đều đúng cả. Một câu đúng về tục đế, một câu đúng về chân đế. Khi cần phát biểu về sự thật tuyệt đối ta phải dùng chân đế...



- Hai sự thật có liên hệ với nhau. Nếu ta nắm vững tục đế, mà đừng vướng kẹt vào tục đế, nếu tiếp xúc với tục đế cho thật sâu sắc, thì tự khắc ta tiếp xúc được với chân đế. Từ tục đế người ta có thể đi tới chân đế, không cần phải bỏ tục đế, ta vẫn tới được chân đế như thường.

- Hai cách nhìn sự thật Tục đế và Chân đế không đưa tới cái thấy trái ngược nhau. Chúng ta có thể lấy những thí dụ ở ngoài đời: Đứng trước cùng một hiện tượng, ta có thể dùng hai cách nhìn khác hẳn nhau. Cách nhìn này không chối bỏ cách nhìn khác, hai cách nhìn sẽ bổ túc cho nhau.

Thí dụ: Khi ta đi máy bay từ thành phố A đến thành phố B. Rồi đi điểm A đến điểm B, thì theo một lối nhìn, ta càng ngày càng đi xa điểm A, ta sẽ nghĩ mình không bao giờ trở lại A nữa. Nhưng sự thật, nếu đi mãi, đi mãi thì vì trái đất tròn, sẽ có lúc ta trở lại điểm A. Cho nên nhìn theo một cách nhìn, thì rời điểm A là đi xa A, theo cách nhìn khác, thì rời A cũng là quay về với điểm A.



Ai cũng nghĩ ánh sáng là luôn luôn truyền theo đường thẳng, nhưng khoa học ngày nay đã cho thấy rằng, khi đi ngang gần một vật thể lớn trong không gian, ánh sáng sẽ đi cong. Đó là sự thật khác hẳn nhau về cùng một hiện tượng. Khi ngồi nhìn lên, chúng ta nghĩ đó là phía trên, nhìn xuống ta nghĩ đó là phía dưới, nhưng cùng một lúc đó, đồng loại ta ở phía bên kia địa cầu sẽ nhìn thấy ngược lại, phía mình nghĩ là trên thì họ coi là dưới. Ý niệm trên và dưới áp dụng cho mặt đất thì đúng, áp dụng cho không gian trong vũ trụ thì sai. Trong vũ trụ cái “không trên” “không dưới” là một sự thật. Sự thật đó không hẳn chống đối với sự thật có trên, có dưới ở trên mặt đất.

Ngày nay các nhà khoa học tin vào thuyết vũ trụ bùng nổ, nghĩa là vũ trụ đang trương ra bất tận. Từ một điểm trong vũ trụ đứng quan sát ta thấy các điểm khác đều chạy xa chỗ ta đang đứng, và tốc độ rời xa tăng theo khoảng cách từ chỗ ta đang đứng. Một tinh hà cách ta tỷ năm ánh sáng di chuyển với tốc độ gấp hai lần một tinh hà ở cách ta một tỷ năm ánh sáng. Quan sát như thế ta sẽ có cảm tưởng là chỗ ta đang đứng là trung tâm của vũ trụ, nhưng sự thật là ngược lại. Chính vì vũ trụ nở theo tốc độ gia tăng với khoảng cách như vậy, mà phải kết luận vũ trụ không có trung tâm, vì đứng ở bất cứ điểm nào ta cũng có thể khiến ta tưởng vũ trụ có một điểm khởi đầu, tin sự sáng thế do một đấng hoá công. Nhưng sự thật là chính thuyết đó chứng tỏ trước vụ bùng nổ thì không có không gian và thời gian, do đó không thể nào có khái niệm trước và sau, sinh và diệt, nghĩa là không có sự khởi đầu, sự sáng thế. Ta biết thời gian cũng chỉ là một giả tưởng không gian và vật thể.

Sự thật tương đối và sự thật tuyệt đối liên tục, không chống báng lẫn nhau. Nếu chúng ta tiếp xúc sâu sắc với sự thật tương đối thì chúng ta sẽ tiếp xúc được với sự thật tuyệt đối. Khi nào chúng ta thấu hiểu sinh tử một cách sâu sắc thì chúng ta cũng tiếp xúc được với thực tại không sinh tử. Điều đó trong đạo Bụt gọi là: ‘TÙNG TƯỚNG NHẬP TÁNH’

- Hai cách trình bày sự thật đều có giá trị, nếu ta quán chiếu, tiếp xúc và đi sâu vào sự thật tương đối thì sẽ khám phá ra sự thật tuyệt đối.

II- TỨ TẤT ĐÀN - Bốn tiêu chuẩn về sự thật

Liên hệ với NHỊ ĐẾ, hai cách nhìn, còn có 4 tiêu chuẩn để trình bày sự thật gọi là Tứ Tất Đàn (Siddhantas).

1-Thứ nhất là THẾ GIỚI TẤT ĐÀN: Đây là tiêu chuẩn căn cứ trên những nhận thức phù hợp với cuộc sống ở thế giới này.

Thí dụ: Người ta chia thời gian một năm thành 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày, sắp đặt công việc ta phải căn cứ trên ngày, tháng, năm trong lịch cho trên. Đó là Thế Giới Tất Đàn.

Nhiều khi Bụt phải nói theo những tiêu chuẩn thế gian cho tiện, chứ không hẳn vì đó là chân lý tuyệt đối. Nếu ta hỏi Bụt: “Ngài sinh ở đâu? Lúc nào? ...”, thì Ngài cũng nói: “Tôi sinh ra ở Ca Tỳ La Vệ trong thế kỷ thứ 6 trước Kitô”. Nhưng kỳ thực cái thấy của Ngài là cái thấy bất sinh, bất diệt. Không phải là Ngài chỉ bắt đầu có từ ngày này và sẽ tịch vào ngày kia.

2-Thứ hai là Vị Nhân Tất Đàn: Vị nhân tức là vì con người mà nói vậy. Con người là một trong những loài sinh vật ở trên trái đất. Con người có bộ óc như vậy, có lối suy nghĩ như vậy, có hiểu biết như vậy, cho nên phải nói làm sao cho con người hiểu được. Những người ở Paris sống trong hoàn cảnh đặc biệt của Paris, có những mối lo lắng, những thao thức, những bận rộn của đời sống Paris, họ có những vấn đề của họ. Khi giảng PHÁP cho họ, hướng dẫn cho họ, ta phải biết những hoàn cảnh đó, để có thể thành công. Sự thật phải được nhìn thấy qua ngôn ngữ và hoàn cảnh của thính chúng. Phải hiểu được điều đó mới hiểu được ngôn ngữ Bụt sử dụng.

Sở dĩ Bụt phải nói lại như vậy tại vì THẾ GIỚI TẤT ĐÀN ở đó như vậy, con người thời đó như vậy. Thành ra lời nói không phải chỉ phản ảnh nhận thức của Bụt mà còn phải phản ảnh cả hoàn cảnh của người nghe nữa.

3-Thứ ba là ĐỐI TRI TẤT ĐÀN: Mỗi người có căn bệnh riêng, có những lo sợ, những mặc cảm, những buồn khổ riêng. Khi nói Pháp Bụt nhằm chữa tâm bệnh của người nghe. Cách nói đó gọi là ĐỐI TRI TẤT ĐÀN. Nghe Bụt thuyết pháp ta phải nhớ điều đó.

Tôi nhớ cách đây chừng 25, 26 năm, trong một chuyến đi Anh, tôi có thăm Bảo tàng viện. Tôi bước vào với một cô bé 5, 6 tuổi người Anh. Tới một phòng kia, chúng tôi thấy một xác người hoá thạch chứa trong tủ kính. Người đó chết cách đây 5.000 năm mà những sợi tóc, những móng tay, những nếp nhăn ở trên đó còn được giữ nguyên vẹn. Đó là xác của một người đàn ông, năm khum khum, ở đây ngày xưa họ chôn như vậy. Sức nóng sa mạc đã bảo tồn thân thể đó, và thời gian đã làm cho nó hoá đá. Tôi đứng nhìn rất lâu, duy trì thiền quán của mình và quên mất cô bé đang đứng bên, cô bé lúc đó cầm áo tôi kéo giật, tôi mới tỉnh. Với cặp mắt hoảng hốt cô bé hỏi: “Will it happen to me?” (con sẽ bị như vậy hay không?), đối với một em bé, mình phải trấn an nó trước đã, nên tôi lắc đầu: “Đâu, con đâu có thể bị như vậy! ...” Nói xong, tôi biết rằng mình đã nói

đôi, nhưng nói sự thật sinh, lão, bệnh, tử cho một em bé 5, 6 tuổi thì tàn nhẫn quá! Khi ra khỏi phòng, tôi chợt nhớ ngày xưa, khi Thái tử Tất Đạt Đa đi với Xa Nặc, thì Xa Nặc đã nói thật. Khi thấy xác người chết nằm cong queo, Thái tử hỏi: “Ta sau này có như vậy không?” Xa Nặc nói: “Có chứ, sao không, Ngài đâu có thể trốn thoát khỏi cảnh đó?” Xa Nặc đã nói hết sự thật còn tôi thì không. Cho nên, để đối trị với vấn đề trước mắt của người nghe. Bụt phải dùng thứ ngôn ngữ mà đôi khi người không hiểu sẽ nghĩ là nói sai. Bệnh như vậy tất phải dùng phương thuốc như vậy để đối trị.

4-Thứ tư là ĐỆ NHẤT NGHĨA TẤT ĐÀN: Đệ nhất nghĩa cũng như THẮNG NGHĨA (nghĩa cao hơn tất cả) TẤT ĐÀN này, tức là tiêu chuẩn tuyệt đối, thuộc về CHÂN ĐẾ. Không có NGÃ thì nói không có NGÃ. Trái đất tròn thì nói là nó tròn, đầu bị dọa treo ngược đầu, cũng nói là nó tròn. Nói thẳng sự thật không ngại gì cả. Đó là ý niệm về TỨ TẤT ĐÀN giúp ta nhớ khi đọc lời của Bụt thì hãy tìm hiểu lời nói đó Ngài nói theo tiêu chuẩn nào. (Trích “Phật pháp căn bản” - Trái tim của Bụt: bài 1- trang 21-25).

Nhớ Ấn Độ 2004

Quang Nguyễn

Thăm thoát một năm đã trôi qua,
 Tình lam liú luyến mãi chưa nhòa.
 Trang nghiêm cò quạt 5 châu hội,
 Rộn rã hát cười đêm trắng qua.

Đại Tháp kinh hành tim thốn thức,
 Bà Đề đánh lễ lệ châu sa.
 Một sáng ước vai trời Linh Thứu,
 Vòng tay thế giới thật bao la. □

Ngẫu hứng Thu

*Thoang thoảng đầu đầy hương mùa Thu,
 Liễu gầy ủ rũ đàng vu vơ.*

*Lá vàng phủ kín che lối nhỏ,
 Mặt hồ sương phủ tựa màn tơ.*

*Thu mang sầu mộng với tương tư,
 Xao xuyến, bàng khuâng bước hẹn hò.
 Vẻ đẹp nào nùng đầy luyện nhớ,
 Thu là vô tận của nguồn thơ.*

Berlin, thu 2005 Tâm Tịnh (GDPT Chánh Niệm)

Chúng tôi học Kinh

K
i
h
h
T
h
h
h
M
a
n

(tiếp theo NSST 20)

(Chương II, III)

Tâm Minh ghi

Như đã hẹn nhau trước, trong buổi học hôm nay, anh chị em chúng tôi đã chuẩn bị các chương II và III (tương đương với các chương III và IV trong sách mới sau này).

Chương II: Bồ tát giới

Bài học thứ nhất về Giới: Ở đây, chúng ta được hiểu sâu sắc hơn thế nào gọi là “Bồ tát tâm địa giới” và cái gì là Luật Bồ tát Anh Lạc (LBTAL).

LBTAL nói: “Tất cả chúng sanh vào biển Tam Bảo, lấy Tín làm gốc, an trụ trong ngôi nhà của Phật thì lấy Giới làm gốc”. Công năng của Giới là phòng hộ căn môn, ngăn ngừa những pháp bất thiện khởi lên làm phương hại đến những phẩm tính thiện; thế cho nên nói Giới là món trang điểm quý nhất của người Phật tử; muốn giữ Giới tất nhiên phải có chánh niệm:

*Khí sáu căn tiếp xúc sáu trần
Đem ý thức tinh chuyên phòng hộ*

Có 2 hệ thống Giới, đó là: Thanh Văn Giới và Bồ tát Giới

** Thanh Văn Giới dựa trên những cấm chỉ hành động về thân và miệng; do đó, sự tồn tại của Giới chỉ giới hạn trong sự tồn tại của thân và miệng. Ví dụ: chúng ta qui y và thọ trì 5 giới; 5 giới này sẽ tồn tại cho đến hết đời hay cho đến khi ta tuyên bố không còn tin tưởng Tam Bảo, không muốn thọ trì nữa. Tương tự, với Bát Quan Trai giới, chỉ có hiệu lực trong khoảng 1 ngày 1 đêm, nên qua hết thời gian ấy, dù có tuyên bố hay không, Giới vẫn hết hiệu lực.

** **Bồ Tát Giới** thì trái lại, có phát nguyện thọ trì và cũng có thể có vấn đề vi phạm nhưng không có vấn đề mất giới. Bởi vì giới cấm của Bồ tát đặt căn cứ trên Bồ Đề tâm, lấy Phật làm mục tiêu hướng đến; Bồ tát giới còn được gọi là vô tận giới và hết thảy giới phạm, thánh, Bồ tát đều lấy tâm làm thể, mà tâm vô cùng tận nên Giới cũng vô cùng tận, do

vậy, Giới cấm của Bồ tát cũng được gọi là **Tâm địa giới** (tâm địa = đất tâm)

** Thanh Văn giới và Bồ tát Giới còn được phân biệt ở tiêu chuẩn của sự thành tựu. Thanh Văn lấy sự thành tựu đạo đức cá nhân làm tiêu chuẩn còn Bồ tát lấy sự thành tựu chúng sanh làm tiêu chuẩn: nguyện vào đời để cứu giúp chúng sanh, nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật thì bồ tát nhất định không vào niết bàn:

*“Như nhất chúng sanh vị thành Phật,
Chung bất v thử thử nê hoàn”*

hay:

*Phụng thỉnh Thế Tôn vị chứng minh
Ngũ trước ác thế tiên nhập*

Bài học thứ nhất được mở rộng ra bằng một kỷ niệm xưa: Khi học về Pháp Hoa, anh chị em chúng tôi có người nói rằng: “Tại sao trong phẩm Phổ Môn, có sự kiện ngài Vô Tận Ý Bồ tát tặng đức Quán thế Âm Bồ tát “một chuỗi anh lạc giá trị bằng muôn ngàn lượng vàng ...” mà đức Quán Thế Âm không nhận, đức Phật phải “năn nỉ” giùm cho ngài Vô Tận Ý v.v...”, lúc đó chúng tôi cũng có đề cập đến ngôn ngữ biểu tượng của chuỗi anh lạc quý giá ... nhưng chưa lột hết được ý của 2 chữ “anh lạc” - đó là Luật Bồ tát Anh Lạc, nói lên ý nghĩa thâm thúy của Giới: Giới là món đồ trang sức quý giá nhất của bồ tát, nâng cao phẩm giá con người, bảo hộ thân tâm và phân biệt con người với chúng sanh trong các cõi giới khác. Như vậy, ngài Vô Tận Ý Bồ tát trao cho ngài Quán Thế Âm bồ tát chuỗi anh lạc là nói lên ý nghĩa của Bồ tát giới, lấy Giới để tự trang nghiêm và trang nghiêm quốc độ, cũng như lấy sự thành tựu chúng sanh làm mục tiêu hướng đến - tức chí nguyện đại thừa rồi.

Bài học thứ 2 là Giới của Bồ tát, vì không chỉ dựa trên sự thành tựu cho cá nhân mà là cho chúng sanh nên Bồ tát giới không chỉ có một chức năng phòng hộ căn môn, mà nó còn có tới 3 chức năng, đó là 3 thọ môn hay ba Tu Tịnh giới: nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiếp ích hữu tình giới.

* Nhiếp luật nghi giới: Những luật nghi giúp bồ tát phòng hộ căn môn và hoàn thành nhân cách đạo đức gương mẫu (bồ tát) gây tín tâm cho những người Phật tử mới đến với Đạo, đồng thời giúp bồ tát phát triển các môn thiền định cũng như khai triển trí tuệ.

** Nhiếp thiện pháp giới: bồ tát thực hiện và tích tập các thiện pháp để dừng tiến trên đường Đạo.

*** Nhiều ích hữu tình giới: vì mưu cầu hạnh phúc cho chúng sanh, bồ tát luôn tu tập phát triển 4 tâm rộng lớn (Tù, Bi, Hỷ, Xả).

Bài học thứ 3 là 10 đại thọ của Thắng Man (TM) phu nhân. 10 đại thọ này còn được gọi là “bất tu nghi đại thọ” vì TM phu nhân tuyên bố những lời thật là “sấm sét”, bắt đầu bằng “... kể từ nay cho đến lúc thành tựu Bồ đề ...” nghĩa là 10 đại thọ này không chỉ có hiệu lực trong đời này mà còn có hiệu lực trong nhiều đời nhiều kiếp nữa, cho đến khi thành Phật! Thật là vĩ đại quá, hèn gì gọi là “TM sư tử hồng” thật đúng quá rồi!

Mười đại thọ đó là: **1.** không bao giờ khởi tâm vi phạm giới đã thọ; **2.** không bao giờ khởi tâm kiêu mạn; **3.** không bao giờ khởi tâm phần hận; **4.** không bao giờ khởi tâm ganh tị; **5.** không bao giờ khởi tâm keo kiệt; **6.** không bao giờ vì mình mà thọ nhận, súc liễm tài vật; **7.** không bao giờ vì riêng mình mà thực hành 4 nhiếp pháp; **8.** luôn luôn nhiếp thọ chúng sanh bằng tâm không ái nhiễm, tâm không mệt mỏi, tâm không hạn ngại; **9.** không bao giờ rời bỏ những chúng sanh khốn khổ vì bệnh tật, cô độc, tù tội, ... làm cho họ thoát khổ, bằng những hành động thiết thực; **10.** gặp những chúng sanh làm những việc ác hại người, hay phạm giới ... thì nhất định sẽ chiết phục hoặc nhiếp phục tùy trường hợp để chánh pháp được trường tồn, ác pháp được giảm thiểu. Nói 1 cách ngắn gọn thì 10 giới đó là:

- Luôn giữ giới đã thọ***
- Không kiêu mạn***
- Không sân nhuế***
- Không tật đố***
- Không bôn xẻn***
- Không tích tụ tư hữu***
- Thực hành 4 nhiếp pháp***
- San bằng nỗi khổ của chúng sanh***
- Diệt trừ tội ác***
- Hộ trì và bảo vệ chánh pháp***

Bài học thứ 4: Đây là bài học về những từ mới: thế nào là tha thắng xứ và thế nào là kỳ thắng xứ?

* Tha thắng xứ là những ác pháp làm tổn hại mình, ví dụ như vì tham danh lợi mà tự khen mình chê người, nói xấu người khác, ấy là pháp tha thắng xứ thứ nhất.

** Kỳ thắng xứ là những thiện pháp ích lợi cho mình (ngược lại với tha thắng xứ)

Theo luận Du Già, có 4 tha thắng xứ; nếu bồ tát vi phạm 1 trong 4 điều này thì tư cách “bồ tát chân thật” sẽ bị mất ngay; đó là:

* Vì tham danh lợi mà tự khen mình chê người, nói xấu người khác.

** Không biết bố thí tiền bạc hay ban bố pháp dù có người đến cầu xin

*** Dùng chân tay hay khí cụ đánh đập người khác mà trong lòng thấy sáng khoái; có lỗi mà ai nói tới thì sinh lòng oán hận.

**** Báng bỏ Bồ Tát tạng, thích tuyên thuyết, khai thị, thiết lập Tương tự pháp, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc bị người khác lôi cuốn.

(ACE chúng tôi tự dặn lòng rằng, đừng bao giờ làm “bồ tát dõm” nha! Thà là làm 1 chúng sanh bình phàm nhưng chân thật! ☺ ☺ !!)

Chương III: Bồ Tát nguyện (Hạnh Nguyện của Bồ Tát).

Như Luận Thập Trụ Bà Sa đã nói “**Phát nguyện cầu đạo nặng nhọc hơn cả việc nâng đỡ ba ngàn Đại thiên thế giới**” vì “nguyện” là thế nguyện, là quyết định tâm, vì vậy sau khi đã phát bồ đề tâm, khởi bồ tát hạnh, phải nói đến hạnh nguyện vĩ đại của Bồ tát.

Bài học thứ 5: có 4 loại nguyện

* Thế nguyện, hứa hẹn thời gian trước khi hành động: như trường hợp của Thiện Tài Đồng Tử sau khi được Văn Thù Sư Lợi dạy, liền phát tâm tìm cầu học Phật pháp cho đến rốt ráo.

** Hành nguyện, gồm 2 trường hợp:

a) Cùng phát khởi một lần với hành động: những lời nguyện trong lúc hành động.

b) Đối sự mà phát nguyện, với chủ đích giữ vững tâm chí, không để gián đoạn và tán loạn, (như trong Tỳ Ni Thiết yếu nhật dụng, trong phẩm Tịnh Hạnh kinh Hoa Nghiêm, hay xảo nguyện): khi rửa tay

Mức nước để rửa tay
Xin nguyện cho mọi người
Có đôi bàn tay sạch
Gìn giữ chánh pháp này

hay: khi trải giường chiếu
Khi trải giường chiếu
Nguyện cho chúng sanh
Trải bằng thiện pháp
thấy chân thật tướng



hay: khi bước ra đường
**Cắt bước ra đường
nguyện cho chúng sanh
bước lên lối Phật
và Vô y Xứ**

hay: khi đi ngủ
**Vào lúc ngủ nghỉ,
Nguyện cho chúng sanh
Thân được yên ổn
Tâm không loạn động**

*** Nguyện sau khi hành: như hồi hướng công đức.

**** Tự thể vô ngại nguyện: như hạnh nguyện Phổ Hiền.

Bài học thứ 6: những yếu tố nào quyết định đưa đến Phật thừa? Đó là 3 yếu tố mà chúng ta đã học trên đây: Bồ đề tâm, Bồ tát hạnh và Bồ tát nguyện.

Bài học thứ 7: Bồ tát phải làm gì để thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật?

Đây là ước nguyện làm cho tất cả mọi thế gian đều trở thành Tịnh độ, không có những khốn khổ vật chất, không còn những hệ lụy phiền não:

**Trang nghiêm cõi Phật,
Nơi cõi Ta Bà
Đất Tâm thanh tịnh
Hiện lộ ngàn hoa**

Đó là bồ tát phải xa lìa mọi ô nhiễm, thành tựu đạo thanh tịnh, vô lượng chúng sanh có trí tuệ sung mãn ở trong đó, tất cả đều vào cảnh giới bao la của chư Phật, tùy theo tâm chúng sanh mà thị hiện, khiến cho hết thảy đều hoan hỷ. Nói theo ngôn ngữ của anh chị em chúng ta thì đây là vấn đề thân giáo; thật vậy, khi chúng ta đã thành tựu được tri hành hợp nhất, ước nguyện và hành vi không còn sai biệt, nghĩa là đã an trụ vững chắc trong chí nguyện của mình thì chúng ta là tấm gương sáng cho đàn em và bạn bè noi theo; hãy nghe Bồ tát Di Lặc tán dương Thiện tài đồng tử: “..với những kẻ trôi nổi trong 4 dòng nước xoáy, người là con thuyền Đại Pháp, với những kẻ chìm ngập trong bùn lầy, người là chiếc cầu Đại Pháp, với những kẻ tối tăm ngu dốt, người là ngọn đèn Đại Trí, với những người đi trong sa mạc sanh tử, người là bậc hướng đạo mở đường....”

Chương IV: Nói về hạnh nguyện vĩ đại của Bồ tát (hay Bồ tát nguyện)

Người ta thường nói “nói thì dễ mà làm thì khó” thật là quá đúng, mở đầu chương IV, Bài học thứ 8: của anh chị em chúng tôi hôm nay là 12 trường hợp gian nan mà Bồ tát phải đương đầu sau khi phát lời thệ nguyện lấy an lạc của chúng sanh làm an lạc của chính mình; đó là:

1. Bồ tát phải trừng trị hay tha thứ những người vi phạm luật tắc đạo đức?
2. Muốn khắc phục những người ác, bồ tát phải có ý chí sắc bén để tự chế ngự mình, không sinh phiền não.
3. Phải làm sao để giải quyết vấn đề: khả năng cung cấp có giới hạn mà nhu cầu của chúng sanh thì vô cùng vô tận?
4. Làm sao để có thể giúp đỡ đồng thời mọi người cần mình trong khi mình chỉ có 1 thân?
5. Làm thế nào để tự khắc phục mình trước những quyền rũ của cuộc đời khi phải sống ở 1 nơi buông lung phóng dật xa hoa sa đọa?
6. Làm sao để thực hiện ý nguyện độ sanh khi chưa đủ khả năng?
7. Đối với người ngu si, xảo trá phải làm sao? giáo dục hay bỏ đi?
8. Thấy rõ nỗi khổ sanh tử nhưng không thể từ bỏ chúng sanh
9. Lo sợ tâm niệm xao lãng khi chết vì chưa chứng được thanh tịnh tăng thượng ý lạc.
10. Chưa chứng được thanh tịnh ý lạc mà có người đến cầu xin những thứ yêu quý nhất của mình.
11. Đối với những người có quan điểm và xu hướng dị biệt, phải làm sao? thuyết phục hay bỏ mặc?
12. Thực hành hạnh không phóng dật tối đa nhưng không gấp rút diệt tận phiền não để 1 mình nhập Niết bàn.

Chính vì vậy, Bồ tát Đạo là một con đường rất gian nan, khó đi, không phải ai muốn đi là cũng đi được. Quá trình hành động phải trải qua 2 giai đoạn:

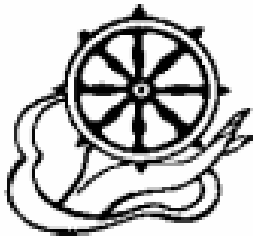
Giai đoạn 1: từ khi phát tâm hướng thượng mà trí tuệ, tình cảm và ý chí chưa vượt lên trên hạng phàm phu.

Giai đoạn 2: tín tâm vững chắc, không còn dao động trước mục tiêu hướng thượng của mình.

Bài học thứ 9: Trước khi trở thành một thánh giả, hành giả phải phát triển đạo đức và trí tuệ, phải thực hành hạnh Thanh Văn, nghĩa là phải tập quán sát để thấy rõ chân tướng của thế gian để phát triển tâm vị tha và để có thể lựa chọn pháp môn thích hợp. Căn bản hành động là Tứ nhiếp Pháp và song song với 4 nhiếp pháp là 6 Ba La Mật.

Bài học thứ 10: Là 3 đại nguyện của Thắng Man phu nhân, tương đương với 3 tụ tịnh giới của bồ tát; đó là:

- a. Đòi đòi thọ sanh đều được “chánh pháp trí” (tương đương với Nhiếp luật nghi giới) - nguyện “tự hành,” đây là nguyện học hỏi tất cả Phật Pháp.
- b. Sau khi thành tựu chánh pháp trí, sẽ thuyết giảng cho tất cả chúng sanh với tâm không mệt mỏi (tương đương với Nhiếp chúng sanh giới) - nguyện “ngoại hoá”
- c. Đối với sự nhiếp thọ chánh pháp, sẽ xả bỏ thân mạng và tài sản để hộ trì chánh pháp (thành tựu Nhiếp thiện pháp giới) - nguyện “hộ Pháp”.



Bài học thứ 11: Là sự liên hệ giữa 3 đại nguyện của Thắng Man phu nhân và châm ngôn Bi Trí Dũng của ACE huynh trưởng và đoàn sinh GĐPT chúng ta. Thật vậy, hành trình đi lên của người huynh trưởng hay đoàn sinh trong GĐPT đều theo thứ tự phát bồ đề tâm, khởi bồ tát nguyện, (đeo hoa sen - đối với đoàn sinh, phát nguyện - đối với huynh trưởng) và hành bồ tát đạo (lên Đoàn, lên đường, ... tập sống cho tha nhân nhiều hơn cho chính mình, tập “sáng cho người thêm niềm vui, chiều giúp người bớt khổ”, tìm cách đem Phật pháp đến cho mọi người; tập rèn luyện mình để làm tấm gương sáng cho đàn em noi theo...) Người huynh trưởng cũng như đoàn sinh GĐPT phải luôn mở rộng lòng thương (Bi) và trau dồi trí tuệ (Trí), phải biết rèn luyện tư cách đạo đức và quyết tâm của mình để thực hiện lý tưởng (Dũng) ... Nói tóm lại, châm ngôn Bi Trí Dũng của GĐPT cũng “đồng dạng” với 3 đại nguyện của Thắng Man phu nhân (nói đồng dạng vì tuy kích thước to nhỏ khác nhau nhưng bản chất thì giống nhau) hay nói cách khác, châm ngôn của GĐPT được kiến lập dựa trên tinh thần ba đại nguyện của Thắng Man phu nhân.

Bài học thứ 12: Là bài học về Bồ đề tâm (BĐT); mặc dù anh chị em chúng ta đã học nhiều lần về BĐT - từ khi còn ở ngành Thiếu, nhưng ở đây trong

Kinh Thắng Man này, sư phụ Tuệ Sỹ đã cho biết những định nghĩa và những tính chất độc đáo của BĐT nên ACE chúng tôi phải nhắc lại nội dung và cốt tủy của BĐT;

- a) Bồ Đề Tâm = Tâm vô thượng bồ đề = Tâm nguyện thành tựu sự giác ngộ tối thượng = Tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.
- b) Bồ đề tâm là hạt giống của hết thầy Phật Pháp.
- c) BĐT là ruộng phước nuôi lớn pháp bạch tịnh.
- d) BĐT là cõi đất lớn vì nâng đỡ hết thầy thế gian.
- e) BĐT là tịnh thủy vì rửa sạch tất cả phiền não.
- f) BĐT là chí nguyện nóng bỏng của một chúng sanh tự thấy mình đang sống trong cảnh tối tăm, giữa đọa đày khổ nhục, mong tìm một con đường sáng không chỉ cho riêng mình mà cho tất cả những người cùng cảnh ngộ.
- g) BĐT là ý chí kiên cường bất khuất, muốn thoát ra khỏi, của một người bị trói cột trên ngọn lửa rực cháy, bị chà đạp dưới những sức mạnh tàn khốc của tham vọng điên cuồng của chính mình và của một tập thể ma quái chung quanh mình.

Bài học thứ 13: Đó là về 4 dòng nước xoáy (trong lời tán dương Thiện Tài đồng tử, Bồ tát Di Lặc nói: “với những kẻ trôi nổi trong 4 dòng nước xoáy, con người chân thật này muốn làm con thuyền đại pháp đưa chúng sanh vượt qua đại dương ...” 4 dòng nước xoáy hay 4 **bộc lưu** đó là:

- ** Dục bộc lưu: dòng xoáy của dục vọng.
- ** Hữu bộc lưu: dòng xoáy của tồn tại.
- ** Kiến bộc lưu: dòng xoáy của kiến chấp.
- ** Vô minh bộc lưu: dòng xoáy của vô minh.

Bài học thứ 14: Nguyện “tự hành” của TM phu nhân bao gồm các nguyện sau:

- * Nguyện cúng dường → tu tập bằng Tín
- ** Nguyện biết thế giới (bao gồm sự nghiên cứu, đào sâu Phật Pháp) → tu tập bằng Trí.

Như vậy tự hành có nghĩa là mọi hành vi cử chỉ, trong mọi môi trường sinh hoạt đều hướng tới một mục đích tối thượng duy nhất, đó là tu tập bằng hành động thực tiễn để đạt đến thành tựu trọn vẹn 3 phương diện của một nhân cách lý tưởng: tình cảm, trí tuệ và ý chí.

Với bài học thứ 14 này, ACE chúng tôi kết thúc buổi học hôm nay và hẹn gặp nhau trong kỳ học tới với 2 chương IV và V (chương V và VI sách mới).





TAM GIỚI (Ba cõi): Dục, Sắc, Vô Sắc.

i/- Dục giới:

Nơi ở của loài hữu tình, có 2 dục: Thực dục và dâm dục; từ Lục dục thiên đến 4 Đại Châu của nhân giới và địa ngục.

ii/- Sắc giới:

Chất ngại, vật chất hữu hình. Trên Dục Giới, không còn dâm dục và thực dục. Thân thể, cung điện, các vật dụng đều đặc biệt đẹp đẽ, tinh túy, vì thế gọi là Sắc giới. Tùy mức độ thiền định sâu cạn và chúng, có đến 16, 17 hay 18 cõi.

iii/- Vô sắc giới:

Không có một vật nào, không thân thể, chỉ dùng Tâm Thức mà trụ ở Thiền Định thâm diệu.

1/- Nghĩa theo Kinh (Kệ Hoa Nghiêm)

Tam giới duy nhất Tâm

(Ba cõi chỉ một Tâm)

Tâm ngoại vô biệt pháp

(Ngoài Tâm không pháp khác)

Tâm, pháp cập chúng sanh

(Tâm, pháp và chúng sanh)

Thị tam vô sai biệt

(Cả ba không sai biệt)

2/- Kinh Bát thập Hoa Nghiêm q.37, phẩm Thập Địa, có câu

Tam giới sở hữu thị nhất Tâm

(Mọi thứ có trong Tam giới, chỉ là một Tâm)

3/- Kinh Lục Thập Hoa Nghiêm q.10, phẩm Dạ Ma Thiên cung Bồ Tát thuyết kệ:

Tâm như họa công sư

(Tâm như người thợ vẽ)

Họa chủng chủng ngũ ấm

(Vẽ biết bao ngũ ấm)

Nhất thiết thế giới trung

(Trong tất cả thế giới)

Vô pháp nhi bất tạo

(Không pháp nào chẳng tạo)

Như Tâm, Phật diệt nhiên

(Như Tâm, Phật cũng thế)

Như Phật, chúng sanh nhiên

(Chúng sanh cũng như Phật)

Tâm, Phật, cập chúng sanh,

(Tâm, Phật và chúng sanh)

Thị tam vô sai biệt

(Cả ba không sai khác)

(Bài tụng làm chủ ý cả Bộ Kinh)

&

Ngộ Lý 'Vô Trụ' của Kinh Bát Nhã, Ngài Long Tế Hòa Thượng có bài tụng:

Tâm cảnh đốn tiêu dung

(Không còn chấp Tâm và Cảnh)

Phương minh sắc dữ không

(Mới ngộ được lý sắc không)

Dục thức bản lai thể

(Muốn biết bản lai bản thể)

Thanh sơn bạch vân trung

(Kìa mây trắng với non xanh)

Muốn ngộ được lý 'sắc tức thị không, không tức thị sắc' thì phải trừ các vọng chấp ngã (tâm) và pháp (cảnh). Muốn biết bản thể Bát Nhã chơn không, xưa nay như thế nào, thì cứ xem 'kìa mây trắng với non xanh'.

Tổ Đôn Hà đốt Phật gỗ để phá mê chấp của viện chủ chùa:

Đôn Hà thiêu mộc Phật

(Tổ Đôn Hà đốt Phật gỗ)

Viện chủ lạc tu mi

(Ngài viện chủ rụng râu mày)

Nhứt trường kỳ đặc sự

(Một trường hợp rất đặc biệt)

Thiên hạ thiếu nhơn tri

(Trong thiên hạ ít người biết)



Bài kệ trình lên Ngũ Tổ để trình bày sự tu chứng, qua phương pháp Tiệm Tu:

- Thân thị Bồ đề thọ**
(Thân là cây Bồ đề (có tướng))
- Tâm như minh cảnh đài**
(Tâm như đài gương sáng (có tướng))
- Thời thời thường phát thức**
(Mỗi giờ thường lau quét (có tu))
- Vật sử nhá trần ai**
(Chớ cho dính bụi trần (có chứng))

ngài Thần Tú (605-706)

&

Ngộ được lý Kim Cang Bát Nhã, không trụ chấp các tướng, bài kệ nói lên phương pháp tu Đốn Ngộ và được Ngũ Tổ Hoàng Nhãn truyền y bát làm Đệ Lục Tổ. Kệ viết:

- Bồ Đề bốn vô thọ**
(Bồ đề không phải cây (vô tướng))
- Tâm phi minh cảnh đài**
(Chơn tâm không phải đài (vô tướng))
- Bốn lai vô nhất vật**
(Xưa nay không một vật (vô tu))
- Hà xứ nhá trần ai**
(Chỗ nào dính bụi trần (vô chứng))

Lục tổ Huệ Năng (638-713)

&

- Muốn **an trụ tâm**, phải buông xả, đừng dính mắc với 6 trần, Kinh Kim Cang viết:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai*

Dịch:

Nếu thấy ta bằng sắc tướng
Nghe ta bằng âm thanh
Người này đi đường tà
Không thấy được Như Lai

- Muốn **HÀNG phục tâm**, phải đưa vọng niệm vào chỗ vô sanh:

- Nhứt thiết hữu vi pháp**
(Tất cả pháp hữu vi)
- Như mộng huyễn bào ảnh**
(Như mộng, huyễn, bọt, bóng)
- Như lộ diệc như điện**
(Như sương, cũng như điện)
- Ứng tác như thị quán**
(Nên khởi quán như thế)

*

Kinh Lăng Nghiêm: Tri Kiến Phật

*Tri kiến lập tri tức vô minh bốn,
Tri kiến vô kiến tri tức Niết Bàn*

(Cái thấy biết mà khởi niệm chấp, phân biệt (lập tri) là gốc của vô minh. Thấy biết mà không khởi niệm phân biệt đẹp xấu ... thì tâm yêu ghét không sanh, tức thanh tịnh, tức Niết Bàn).



CỨ TRẦN LẠC ĐẠO

Cứ trần lạc đạo thả tùy duyên

(Trong đời vui đạo sống tùy duyên)

Cơ tắc xan, khổn tắc miên

(Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền)

Gia trung hữu bảo hựu tầm mịch

(Nơi mình sẵn ngọc tìm đâu nữa)

Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền

(Trước cảnh vô tâm chớ hỏi thiền)

Vua Trần Nhân Tông - Trúc Lâm Đầu Đà

VÔ TRỤ

Nhận quá trường không

(Nhận liệng giữa hư không)

Ảnh trầm hàn thủy

(Bóng chìm dưới nước)

Nhận vô di tích chi ý

(Nhận không (có ý muốn) để dấu vết lại)

Thủy vô lưu ảnh chi tâm

(Nước chẳng (muốn) lưu bóng làm chi)

Hương Hải Thiền Sư

*

Nhận quá hàn đàm, nhận khứ nhi đàm vô lưu ảnh,

Phong lai sơ trúc, phong khứ nhi trúc bất lưu thanh.

Tô Đông Pha (1036-1101)



Nhận bay đầm rộn rã lòng
Nhận đi đầm lạnh, lòng không bóng hình
Gió reo trúc dậy xôn xao
Gió đi trúc lặng tiếng chào cũng không

Chùa Kim Sơn (San José - Mỹ quốc)

(Nhận bay qua đầm nước lạnh, bóng nhận in hình trong nước đầm.

Nhưng khi nhận bay qua rồi, nước đâu có lưu giữ hình bóng nhận.

Khi gió thổi bụi trúc thưa, trúc kêu xào xạc,
Nhưng khi gió qua rồi, trúc lặng im)

*

Kiến nguyệt phi quan chỉ

(Thấy trăng thôi xem ngón)

Hoàn gia mặc vấn trình

(Đến nhà chớ hỏi đường)

Thức Tâm, Tâm tức Phật

(Biết tâm, Tâm tức Phật)

Hà Phật cánh kham thành

(Còn Phật nào để thành)

*Hương Hải thiền Sư
(Thầy Thích Thanh Từ dịch)*

*

*Có thì có tự may may
Không thì cả thế gian này đều không.
Kìa trông bóng nguyệt dòng sông,
Ai hay không có, có không là gì?*

Huyền Quang Thiền Sư

KINH ĐẠI NIẾT BÀN

Chư hạnh vô thường (Hữu vi vô thường)
Thị sanh diệt pháp (Tướng luôn sanh diệt)
Sanh diệt, diệt dĩ (Sanh diệt, diệt rồi)
Tịch diệt vi lạc (Tịch diệt an lạc)

- Tất cả mọi hiện tượng (formation) mà chúng ta thấy và tiếp nhận (pháp: Sắc hành và tâm hành) đều là vô thường.
 - Thị sanh diệt pháp: Là những hữu vi pháp có sanh và có diệt. (vô vi pháp: không gian và thời gian)
 - Khi cái sanh và cái diệt bị diệt đi rồi, thì lúc bấy giờ sự tịch diệt, niềm yên lặng đó là niềm vui chân thật.
- (Xin xem thêm bài Tứ Tất Đàn của Thầy Thích Thái Hòa)

*

KHAI NGỘ

Bát thức Không Tịch Vô Vi,
Chuyển thành Tứ Trí gọi thì đã khai.

Hương Hải Thiền Sư

- Tiền ngũ thức: Nhãn -, Nhĩ -, Tỷ -, Thiệt -, Thân thức chuyển ra thành Sở Tác Trí,
- Ý Thức, chuyển Diệu Quan Sát Trí.
- Mạt Na Thức, chuyển Bình Đẳng Tánh Trí,
- A Lại Da Thức, chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí.

Năm giai đoạn biến hành tâm sở:

- 1/- Xúc: Căn, giác quan tiếp xúc trần, cảnh.
- 2/- Tác ý: Ý niệm xen vào, so chiếu, phê phán. Nhị nguyên đối đãi, vo tròn, bóp méo theo quan niệm, nhị nguyên yêu ghét khởi dậy (Nhất niệm khởi, thiện ác dĩ phân).
- 3/- Thọ: cảm thọ = Lạc, khổ, xả thọ.
- 4/- Tưởng: thúc đẩy để có hành động.
- 5/- Tư: đưa đến hành động.

KỆ NGỘ LIỄU

- Giác không, không giác, không không Giác**
(Giác không, không giác, không không giác)
- Giác dĩ không không, không bất không**
(Giác đã không không, không chẳng không)
- Dục thức vô cùng hảo tiêu tức**
(Muốn biết vô cùng tin tức tốt)
- Đồ lô chỉ tại thủ hiên trung**
(Thầy đều chỉ ở trong hiên này)

Hương Hải Thiền Sư
(*Thầy Thích Thanh Từ dịch*)

Giác Không: biết được các pháp tự tánh đều Không (dùng trí quán chiếu)
Không Giác: không chấp cái Giác, vì biết đó là cái **dụng** của giác chứ không phải **thể**. Cái dụng của Giác đó cũng phải lặng nữa nên gọi Không Giác (Trí quán chiếu cũng phải lặng)
Không Không giác: đã không cái "Giác Không" rồi thì cái Không Giác cũng đẹp luôn.
Đẳng Tam Luân KHÔNG Tịch.

TU HỌC TỪ LÚC TUỔI CÒN TRẺ

Mạc đãi lão lai phương niệm Phật
Cô phần đa thị thiếu niên nhân

(Chớ đợi đến già mới niệm Phật (Tu Học)
Lắm nắm mồ kia tuổi thơ sinh)

Tu học pháp Phật là một công trình vĩ đại, trải qua nhiều đời kiếp mới mong Giác ngộ được. Thế mà có nhiều người nghĩ: "đợi đến già hãy Tu". Câu kệ trên nhắc nhở mọi người, nhứt là Thanh Thiếu Niên nên tinh tấn Tu Học, vì sự chết không chỉ giành riêng cho người già mà có rất nhiều nắm mồ của tuổi trẻ!

BÀI KỆ DẠY ĐẠO CỦA PHẬT CA DIẾP

Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo

Dịch:

Chớ làm các việc ác
Vâng làm mọi việc lành
Gắng giữ ý trong sạch
Đó là điều Chư Phật dạy

Tu học với bài kệ trên xem như đơn giản vô cùng: chỉ tránh ác làm lành, giữ thanh tịnh tâm ý. Nhưng muốn đạt được, nhứt là giữ ý thanh tịnh, dứt trừ được tâm cấu uế, cắt đứt sợi dây tâm lý phiền não trói buộc từ đời này sang kiếp khác không phải là dễ dàng. Nên câu kệ trên

có một giai thoại có tính cách sử liệu khá hấp dẫn như sau:

Bạch Cư Dị (772-846) một văn, thi sĩ nổi tiếng đời Đường, làm quan ở Giang Châu, nghe danh Thiền sư Đạo Lâm nên đến viếng thăm và hỏi Đạo. Thiền Sư cắt cái chồi nhỏ trên cây để ở nên thường được gọi là Điều Khóa = Ô Sào (Ổ quạ). Sau những lời thăm hỏi xã giao, Bạch Cư Dị hỏi "Phật pháp đại ý là gì?" Thiền sư đem bài kệ trên ra nói. Bạch Cư Dị nói: "Đạo lý đó đứa trẻ 3 tuổi cũng biết". Thiền Sư bảo: "Trẻ 3 tuổi dù biết nhưng cụ già 80 tuổi làm chưa xong". Bạch Cư Dị khâm phục, thấy nhà sư nói quá chí lý!

NHU

*Kính điển lưu truyền tám vạn tu
Học hành không thiếu cũng không dư
Năm nay tính lại chùng quên hết
Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ*

*Hoà Thượng Thích Phước Hậu
(1866-1953)*

Bài kệ này rất được phổ biến rộng rãi trong giới học Phật, nhưng tựa bài không rõ, tôi cung kính mượn chữ NHƯ làm tựa, nhưng chắc không đúng, kính mong nhận được sự chỉ giáo. Thầy Trí Không có nhắc lại bài kệ này trong quyển Pháp Ngữ Sáng Tâm, trên bài kệ cũng chỉ ghi 'Bài kệ dạy đạo hay nhất thế kỷ của Hoà Thượng Thích Phước Hậu' mà không có tựa đề.

Chúng tôi cũng xin mượn nghĩa lý thậm thâm vi diệu của chữ NHƯ này để kết thúc sưu tập những bài KỆ CẦN NHỚ. Ước mong anh chị em đoàn viên GDPT xem các bài kệ trên như là tài liệu Giúp Trí Nhớ để ôn lại những Pháp bảo đã học và ứng dụng ngay vào cuộc sống hằng ngày, thọ hưởng được sự lợi ích thiết thực trong giờ phút hiện tại và mai hậu. □

- **Chí Pháp** - (11/2005)

XUÂN TỀ

*Trời Đông lạnh giá, tuyết chợt tan,
Nhường chỗ lại cho chút nắng vàng,
Có phải Nàng Xuân vừa tỉnh giấc,
Nhe gót sen hồng đã ghé sang?*

*Cỏ non vươn mình thay lá mới,
Trẻ tràn hé mắt chị Tâm Xuân,
E ấp trong sương nàng Dương Liễu,
Hiện dần trong nắng vẽ đoan trang.*

*Lộng lẫy giai nhân tà áo mới,
Gió Xuân hôn nhẹ, tóc mềm bay,
Rạo rục, băng khuôn, chàng thi sĩ,
Làm thơ tặng Xuân, hay tặng ai ...*

Berlin, Xuân 2003

Tâm Tinh (GDPT Chánh Niệm)



~ Trang Oanh Vũ *~*



*Lớp Oanh Vũ của khoá học Phật
Pháp Âu Châu lần thứ 17
Amiens/Pháp Quốc*

Hằng năm, khoá tu học Phật Pháp được tổ chức tại các nơi trên khắp Âu Châu. Năm nay khoá tu học Phật Pháp lần thứ 17 lại được tổ chức tại Amiens - Pháp Quốc. Cứ mỗi lần như vậy, lớp Oanh Vũ được quý thầy trong Giáo Hội thương mến cho tổ chức để các em có cơ duyên cùng với cha mẹ về tham dự lớp này trong khoá học.

BHD Âu Châu rất lo ngại về tình trạng thiếu người đảm trách. Mới đầu chỉ có 3 Htr ở Pháp thuộc GDPT Quảng Đức - Pháp Quốc đứng ra nhận. Nhưng vào giờ chót, đáp lời kêu gọi của Tân BHD Âu Châu vừa mới được bầu lại trước đó chừng 15 ngày, 3 Htr của GDPT Chánh Tín - Hòa Lan cũng đã có mặt trong ngày khai giảng.

31 em Oanh Vũ đến từ các quốc gia: Pháp 14, Đức 5, Đan Mạch 5, Thụy Sĩ 4, Bỉ Quốc 2 và Na Uy 1 em. Các em được chia làm 4 đội, sinh hoạt theo hình thức GDPT. Có đội trưởng, đội phó. Các em rất ngoan và dễ thương từ sinh hoạt trong lớp học cũng như những giờ thi đua ngoài trời.

Chương trình sinh hoạt: Sáng từ 7 giờ 45 đến 13 giờ chiều từ 14 giờ đến 19 giờ 45.

Buổi sáng, sau khi dùng điểm tâm, các em tề tựu ở chánh điện để tụng kinh theo nghi thức của GDPT. Sau đó các em đã được sư cô Tịnh Liên (Mỹ Quốc) hướng dẫn về giáo lý. Tiếp theo là giờ thể dục buổi sáng. Các em vui thích reo hò theo từng động tác. Có vài em còn quá nhỏ được các anh chị công trên lưng cùng tập. Những giờ còn lại các em được học tiếng Việt, làm thủ công, vẽ, tập hát, tập múa và các trò chơi sinh hoạt ngoài trời. Có những em thích học võ để đóng góp vào chương trình văn nghệ cuối khoá cũng đã được các em ngành Thiếu của GDPT Quảng Đức - Pháp Quốc đến trực tiếp điều khiển. Trong lớp có một vài em vì không nghe lời, làm cho lớp học trở nên mất trật tự đã bị phạt. Các anh chị

trưởng giải thích kỹ lưỡng lý do và cắt nghĩa cho các em nghe thế nào là "tu" và "sám hối" trong đạo Phật. Vì thế các em đã biết sửa lỗi và mỗi ngày các em lại sinh hoạt ngoan hơn.

Trong giờ giải lao, các em được hướng dẫn đến phòng ăn của khóa học. Nơi đó đã được các em chú ý từ đầu vì có gian hàng bán thực phẩm, bánh kẹo và cà-rem. Thay vì giải lao thì các em tự động hằng say hát các bài hát đã học trong lớp. Thấy các em thích, các anh chị trưởng cũng vui theo quên đi các khó khăn, nhọc nhằn, cùng sinh hoạt với các em. Quý thầy, cô, Phật tử qua lại trầm trồ khen ngợi và thưởng cho các em các châu bánh, kẹo và cà rem. Cũng chính vì lẽ đó mà kỳ này các em đã học thuộc được trên 10 bài hát sinh hoạt dài ngắn.

Các anh chị trách nhiệm đã tìm ra những khó khăn mà trước đây các lớp học đã gặp phải trong vấn đề ăn uống, nên đã giao trách nhiệm cho một huynh trưởng liên lạc trực tiếp với ban trai soạn của khóa học thông qua bởi các Thầy Cô trách nhiệm. Năm nay các em được chú ý và được ưu đãi không ngờ. Ngoài các món ăn như thường lệ, các em đã được hỏi: muốn ăn món gì hãy đề nghị với ban trai soạn. Mì gói hay khoai tây chiên, nhiều khi còn được thưởng thức những món đặc biệt. Các huynh trưởng chia phiên đi lấy món ăn về và phân phối cho cả lớp. Các em đã được hướng dẫn niệm Phật trước và sau bữa cơm và tập ăn uống 10 phút trong chánh niệm. Sau khi lo cho các em xong, các huynh trưởng mới bắt đầu dùng bữa. Thấy các anh chị thương và lo lắng nên các em cũng đáp lại là hết sức vâng lời. Điều mà các anh chị trưởng hết sức mong muốn.



Các em ngành Thiếu đang tập ngồi thiền qua sự hướng dẫn của một Sư Cô trong kỳ khoá học Phật Pháp Âu Châu tại Amiens, Pháp quốc

Quý Thầy trong giáo hội còn chọn ra một ngày để quý Phật tử chuyên tu niệm danh hiệu A Di Đà Phật trong khóa tu học. Biết vậy, các anh chị trưởng đã họp lại với nhau và đề nghị tổ chức trò chơi nhỏ để các em có dịp niệm Phật như các cô bác. Đề tài: Đi tìm Thái tử Tất Đạt Đa trong câu chuyện "Cuộc đời đức Phật" mà các em đã được xem qua cuộn phim ở lớp. Qua suốt 5 trạm, các anh chị trưởng đã khảo sát giáo lý, bài ca sinh hoạt, tiếng Việt, chuyên cần tụng niệm và chấm điểm từng đội. Trạm chót, các em được vào chánh điện và niệm Phật khoảng 15 phút với khoảng 400 Phật tử học viên của khoá học năm nay. Một sinh hoạt bất ngờ đã gây được chú ý của quý Thầy Cô và tất cả mọi người.

Đáp lời mời của các anh chị trưởng, lớp Oanh vũ đã được Hòa Thượng TB Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu, TT Tổng Thư Ký, TT Tổng Vụ GDPT, và TT Thích Nguyên Siêu (Hoa Kỳ) đến thăm lớp học. Quý Thầy rất thương mến các em, thăm hỏi cảm tưởng, sinh hoạt hàng ngày, nhấn nhủ các em luôn cố gắng nghe lời cha mẹ và các anh chị trưởng hướng dẫn. Quý Thầy, Cô cũng không quên đem những món quà như bánh kẹo hay những ảnh tượng Phật theo để tặng cho các em. Mỗi khi quý Thầy, Cô đến thăm hay rời khỏi lớp các em đã tự động đồng đứng lên nghiêm chỉnh, chắp tay và niệm Phật : Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật hay Nam Mô A Di Đà Phật.

Năm nào vấn đề tài chánh cho lớp học Oanh Vũ trong khoá học Phật Pháp Âu Châu cũng được đặt ra làm các anh chị trách nhiệm phải lo lắng mà không biết phải giải quyết cách nào để có tiền lo cho các em. Anh chị em huynh trưởng trách nhiệm năm nay là đã trực tiếp thưa với Thầy trưởng ban tổ chức khoá học. Các anh chị đã đề nghị quý thầy ủng hộ cho lớp Oanh Vũ 500 Euros để có thể mua những dụng cụ cần thiết như giấy, viết, vật dụng thủ công và bánh kẹo cho các em trong 10 ngày. Hòa thượng Thích Tánh Thiệt, Trưởng Ban tổ chức đã hoan hỷ hứa khả và văn phòng khoá học đã trao lại số tiền nói trên đến huynh trưởng trách nhiệm. Nhận thấy khoá học nào Giáo Hội Âu Châu sau khi kết toán cũng bị thâm hụt, nên anh chị em vừa cố gắng tiết kiệm chi tiêu, vừa cố vận động kêu gọi phụ huynh và các Phật tử khoá học ủng hộ trực tiếp hoặc bỏ vào thùng được đặt trước lớp học. Ngoài ra các huynh trưởng cũng tìm cách quảng cáo lớp học qua

hình ảnh video của khoá học lồng vào những sinh hoạt hằng ngày của các em đã được tất cả mọi người quan tâm theo dõi. Số tiền ủng hộ đã thu được 890 Euros. Sau khi chi tiêu cho lớp học 308 Euros và hoàn lại 500 Euros cho văn phòng, còn dư lại 82 Euros đã được anh chị em đồng ý bỏ vào quỹ cúng dường khoá học năm nay.

Một buổi gặp gỡ trước khi bế giảng lớp học, các huynh trưởng đã đón nhận ý kiến của phụ huynh và trình bày về những thành quả của lớp học. Các em được nhận phần thưởng của đội, quà cá nhân. Phụ huynh cũng được bốc thăm và nhận quà lưu niệm. Trong phần văn nghệ cuối khoá, một em Oanh vũ đã đại diện lớp học đọc lời cảm niệm đến chư tôn đức, quý bà con Phật tử, cảm ơn các anh chị huynh trưởng phụ trách. Giới thiệu tiết mục trình diễn qua vũ điệu "Rằm tháng tư" và được bà con vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt.

Ngày hôm sau lên đường về trụ xứ với những kỷ niệm khó quên. Những nét mặt vô tư, hồn nhiên, vẫy tay chào và hẹn gặp lại năm tới.

Huynh trưởng lớp Oanh Vũ 2005



Các em ngành Oanh đang tập vũ chuẩn bị cho đêm văn nghệ trong kỳ khoá học Phật Pháp Âu Châu tại Amiens, Pháp quốc



Ngày nào mấy em Oanh Vũ cũng có cà-rem, hay chè bánh do nhà bếp im trợ, nên mấy em liền nhớ đến câu „Ăn trái nhớ kẻ trồng cây“. Các em Oanh Vũ trong GDPT xuống nhà bếp cảm ơn các bác. Khoá học Phật Pháp Âu Châu tại Amiens, Pháp quốc.



Đồ vui để học và được phần thưởng của quý Thầy, thì ngành Thiếu và ngành Thanh rất là hăng hái :-). Khoá học Phật Pháp Âu Châu tại Amiens, Pháp quốc.